

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THỊ MỸ HOA

**CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP
HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN THỊ NHƯ LIÊM**

Phản biện 1: **TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 2: **PGS.TS. PHẠM THANH KHIẾT**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 12 năm
2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Huyện Thăng Bình là huyện nằm trung tâm của tỉnh Quảng Nam, cơ cấu nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 39,9%) trong tổng giá trị sản xuất của ngành kinh tế huyện. Đời sống của nhân dân ở khu vực còn nhiều khó khăn, còn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp. Nhận thức được vấn đề đó huyện Thăng Bình trong những năm qua đã chú ý tới sự phát triển của ngành nông nghiệp. Mặc dầu, nông nghiệp huyện Thăng Bình đã đạt được tốc độ phát triển cao nhưng cơ cấu ngành nông nghiệp chưa có sự chuyển biến mạnh, ngành nông nghiệp thuần túy luôn chiếm một tỷ trọng lớn.

Chính vì vậy, tôi chọn đề tài: *“Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam”* để nghiên cứu nhằm xác định những nhân tố ảnh hưởng, những hạn chế, tồn tại trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của huyện thời gian qua để từ đó định hướng và đưa ra giải pháp để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp phù hợp với xu hướng chung và điều kiện thực tế phát triển của huyện.

2. Mục tiêu nghiên cứu: Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình giai đoạn 2000-2010 và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Những vấn đề lý luận liên quan đến việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu một số nội dung cơ bản chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Về không

gian: trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Phạm vi thời gian: từ năm 2000 đến năm 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp: thu thập số liệu, tổng hợp, thống kê mô tả, phân tích, so sánh, đánh giá.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài: Ý nghĩa khoa học: Hệ thống hóa và làm rõ một số vấn đề lý luận về cơ cấu nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Ý nghĩa thực tiễn: Phân tích, đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình; chỉ ra những thành tựu đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân những tồn tại đó. Từ đó đề xuất một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình.

6. Bố cục đề tài: Ngoài phần mở đầu, mục lục, danh mục các bảng, danh mục các đồ thị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về cơ cấu ngành và chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn vùng lãnh thổ.

Chương 2: Thực trạng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình thời gian qua (2000-2010).

Chương 3: Định hướng và giải pháp chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CƠ CẤU NGÀNH
VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG LÃNH THỔ

1.1. CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP (NÔNG-LÂM-THỦY SẢN)

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm ngành nông nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm ngành nông nghiệp

1.1.1.2. Đặc điểm ngành nông nghiệp

1.1.2. Khái niệm cơ cấu ngành nông nghiệp

Cơ cấu ngành nông nghiệp là đại lượng kinh tế phản ánh số lượng các bộ phận cấu thành trong ngành (các chuyên ngành trong nông nghiệp) và mối quan hệ tỷ lệ của từng chuyên ngành trong toàn ngành nông nghiệp (được tính theo giá trị tổng sản lượng).

1.1.3. Phân loại cơ cấu ngành nông nghiệp tổng hợp theo ngành chuyên môn hoá

1.1.3.1. Nhóm ngành nông nghiệp thuần túy

1.1.3.2. Nhóm ngành Lâm nghiệp

1.1.3.3. Nhóm ngành thủy sản

1.2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỔNG HỢP TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG LÃNH THỔ.

1.2.1. Khái niệm và bản chất chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp tổng hợp.

Sự thay đổi của cơ cấu ngành nông nghiệp từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với môi trường phát triển và yêu cầu phát triển được gọi là sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp. Sự thay đổi trạng thái của nông nghiệp được biểu hiện trên 2 mặt cơ bản sau đây:

- *Thay đổi số lượng các bộ phận hợp thành ngành nông nghiệp, ngành cũ mất đi, ngành mới xuất hiện. Sự thay đổi này tất yếu kéo theo sự thay đổi tỷ trọng từng bộ phận trong toàn bộ nông nghiệp.*

- *Số lượng các bộ phận hợp thành không đổi, nhưng tỷ trọng của các bộ phận thay đổi do tốc độ phát triển của chúng khác nhau*

1.2.2. Nội dung và chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp tổng hợp

1.2.2.1. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Việt Nam

a. Số lượng ngành chuyên môn hoá ngày càng tăng

Theo xu hướng chung: Ngành cấp 3, cấp 4 phát triển theo xu hướng toàn diện, quy mô ngày càng tăng và xu hướng ngày càng chuyên sâu. Năm 1999, ngành nông nghiệp thuần túy có 13 ngành cấp 4 đến năm 2007 tăng lên 31 ngành. Ngành lâm nghiệp từ 1 ngành cấp 4 (năm 1999) tăng lên 5 ngành (năm 2007). Ngành thủy sản cũng từ 1 ngành cấp 4 (năm 1999) tăng lên 5 ngành (năm 2007). Đáng chú ý hơn các hoạt động dịch vụ trong nông nghiệp những năm gần đây đã có sự phát triển phù hợp với quy luật chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Mục tiêu của sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp là tạo ra một hệ thống các tiểu ngành, nghề mới trong ngành nông nghiệp tổng hợp phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của mỗi vùng.

b. Tỷ trọng toàn ngành giảm

Cơ cấu toàn ngành nông nghiệp Việt Nam trong GDP có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng đã giảm từ mức 24,6% năm 2000 xuống còn 20,6% năm 2010. Sự chuyển dịch biểu hiện tỉ trọng nông nghiệp thuần túy trong toàn ngành giảm từ 80,20% năm 2000 xuống còn 72,35% năm 2010 và chiếm tỷ trọng cao nhất trong nội bộ ngành với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 4,1%, ngược lại ngành

chiếm tỷ trọng thấp nhất là lâm nghiệp, chỉ chiếm 3,17% vào năm 2010 và có tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm giai đoạn này là 2,25%. Bên cạnh đó, ngành thủy sản tăng từ 15,58% năm 2000 lên 24,49% vào năm 2010 với tốc độ tăng bình quân hằng năm là 10,1%.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu chung của ngành nông nghiệp Việt Nam là giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp tổng hợp trong cơ cấu toàn ngành kinh tế nhưng không ngừng gia tăng về giá trị, trong đó tỷ trọng nông nghiệp thuần túy giảm mạnh nhất và tỷ trọng ngành thủy sản ngày càng tăng chiếm tỷ lệ cao trong nội bộ ngành nông nghiệp tổng hợp.

1.2.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chuyển dịch

Để thấy rõ được vị trí của các bộ phận cấu thành nông nghiệp có hợp lý và hiệu quả hay không cần có những chỉ tiêu đánh giá cụ thể. Sau đây là một số chỉ tiêu thường sử dụng: Tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp tổng hợp trong nền kinh tế quốc dân; Cơ cấu giá trị sản xuất; Tốc độ tăng trưởng; Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong một giai đoạn; Hệ số vượt. Ngoài ra, còn sử dụng nhiều chỉ tiêu khác như cơ cấu đầu tư, cơ cấu xuất nhập khẩu, những tiêu chí về quá trình chuyển giao công nghệ... Mỗi tiêu chí đều hàm chứa một ý nghĩa kinh tế nhất định trong phân tích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

1.3. CÁC LÝ THUYẾT CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ

1.3.1. Mô hình Rostow

1.3.2. Mô hình Harry T. Oshima

1.3.3. Quy luật tăng năng suất lao động của A.Fisher

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP

1.4.1. Điều kiện tự nhiên

Với mỗi đặc điểm khác nhau về vị trí địa lý, khí hậu, đất đai, tài nguyên thì hệ sinh thái sẽ khác về số lượng và quy mô các phân ngành chuyên ngành sâu của nông lâm thủy sản giữa các vùng có sự khác nhau, dẫn tới sự khác nhau của cơ cấu ngành, thì sẽ có một cách lựa chọn cơ cấu ngành khác nhau.

1.4.2. Thị trường

Thị trường có tác động trực tiếp đến việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp bao gồm thị trường các yếu tố đầu vào và thị trường đầu ra - tiêu thụ sản phẩm.

1.4.3. Sự phát triển khoa học - công nghệ - kỹ thuật

Công nghệ trong nông nghiệp là tập hợp các tri thức khoa học nông nghiệp được ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Khoa học và công nghệ cho phép sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, tăng quy mô sản phẩm trong điều kiện nguồn lực ngày một khan hiếm. Công nghệ liên quan đến các quá trình sản xuất, chế biến, Marketing và phát triển bền vững trong nông nghiệp.

1.4.4. Trình độ phát triển ngành nông nghiệp

Có các hình thức tổ chức quản lý sản xuất đa dạng trong nông nghiệp từ kinh tế cá thể, đến hợp tác xã, hộ gia đình, trang trại, công ty tư nhân, công ty liên doanh, liên kết với các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung hoá đến chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên kết kinh tế.

1.4.5. Chính sách quản lý nông nghiệp của Nhà nước

1.4.5.1. Chính sách đầu tư và phát triển hạ tầng

1.4.5.2. Chính sách ruộng đất

1.4.5.3. Chính sách thị trường – giá cả - tín dụng

1.4.5.4. Chính sách khuyến nông

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH THỜI GIAN QUA (2000-2010)

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HUYỆN THĂNG BÌNH VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

2.1.1. Khái quát chung về huyện Thăng Bình – Tỉnh Quảng Nam

2.1.2. Nhân tố điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

2.1.2.1. Điều kiện tự nhiên:

Là huyện đồng bằng nhưng nhìn chung địa hình rất phức tạp. Địa hình có thể chia ra hai dạng chính như sau: Dạng địa hình vùng trung du miền núi và dạng địa hình vùng đồng bằng ven biển. Điều kiện địa hình phức tạp, vùng Đông thường bị ngập lụt vào mùa mưa; vùng Tây thường bị xoá mòn, rửa trôi đất gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Huyện thuộc vùng đặc trưng khí hậu chuẩn của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa.

2.1.2.2. Tài nguyên thiên nhiên:

- *Tài nguyên đất đai:* với diện tích tự nhiên 38.560 ha, diện tích đất nông nghiệp - lâm - ngư nghiệp là 24.940,3 ha (chiếm 64,68% diện tích tự nhiên).

- *Tài nguyên rừng:* Bên cạnh tài nguyên đất đai sử dụng cho sản xuất nông nghiệp còn có rừng, hiện nay bức tranh hiện trạng rừng của huyện Thăng Bình tương đối phong phú.

- *Tài nguyên nước:* Nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

- *Tài nguyên khoáng sản:* qua khảo sát cho ta thấy huyện có cát thạch anh(SiO_2), có nhiều nghêu, sò, có mỏ sò lộ thiên đất sét, mỏ vàng sa khoáng và đá Granit.

- *Tài nguyên thủy sản*: Thăng Bình có chiều dài bờ biển 25 km, là vùng biển ngang, có nhiều hải sản có giá trị kinh tế cao như tôm, cá thu, mực... với trữ lượng lớn. Ngoài ra còn có sông Trường Giang có hệ sinh thái nửa biển nửa sông... có điều kiện nuôi trồng thủy sản xuất khẩu như tôm, cá...

2.1.3. Nhân tố thị trường

- *Đối với thị trường đầu vào*: vật tư phân bón, thuốc trừ sâu được cung ứng khá phong phú trên thị trường huyện Thăng Bình. Tuy nhiên, mạng lưới cung ứng vật tư, kỹ thuật còn nhiều khâu trung gian đôi khi dẫn đến tình trạng giá cả không phù hợp, không ổn định, không đáp ứng kịp thời cho sản xuất và gây tác hại lớn khi vật tư kém chất lượng.

- *Đối với thị trường đầu ra*: hầu hết các sản phẩm nông nghiệp giá cả bấp bênh, không ổn định, được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa, ít khi có lợi cho người sản xuất.

2.1.4. Sự phát triển khoa học - công nghệ - kỹ thuật

Trên địa bàn huyện có các đơn vị làm công tác quản lý, nghiên cứu ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất. Tuy nhiên, phát triển khoa học - công nghệ - kỹ thuật còn chậm do thiếu nguồn vốn đầu tư, số lượng cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp phục vụ trực tiếp ở cơ sở chưa đủ, chưa đồng bộ và thiếu kinh nghiệm.

2.1.5. Trình độ phát triển ngành nông nghiệp

Chủ trương chuyển đổi mô hình hợp tác xã nông nghiệp được tiếp tục thực hiện nhưng còn chậm. Kinh tế hợp tác, hộ, trang trại được khuyến khích đầu tư mở rộng nhưng hiệu quả còn thấp. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn ở quy mô nhỏ, phân tán. Nuôi trồng

thủy sản không theo quy hoạch, không tập trung nên khó khăn trong việc kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ tài nguyên môi trường.

2.1.6. Chính sách quản lý nông nghiệp huyện

Vốn đầu tư cho nông nghiệp chỉ chiếm 10% trong tổng vốn đầu tư của nền kinh tế huyện. Hệ thống cơ sở hạ tầng của huyện còn thiếu nhiều và chưa đồng bộ. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đầu tư không hiệu quả gây lãng phí đất đai.

- Dịch vụ tín dụng trên địa bàn chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư ngày càng được quan tâm nhưng còn nhiều hạn chế.

2.2. THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2000-2010

2.2.1. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2000-2010

Bảng 2.1. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2000-2010

<i>DVT:%</i>			
Năm	2000	2005	2010
Nông nghiệp tổng hợp	71,3	59,2	41,5
Nông nghiệp thuần túy	81,8	77,5	73,5
Lâm nghiệp	3,3	4,0	5,0
Thủy sản	15,0	18,5	21,5

(Nguồn: kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2005, 2010, phòng NN&PTNN huyện Thăng Bình)

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp tổng hợp (nông – lâm – thủy sản)

**Bảng 2.2. GTSX và cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản
giai đoạn 2000-2010**

Chỉ tiêu	2000		2005		2010		Ghi chú
	Giá trị (triệu đồng)	tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	tỷ trọng (%)	
Tổng GTSX nông nghiệp tổng hợp	281583	71.3	359117	57.4	497000	39.9	So với tổng GTSX toàn ngành kinh tế
Nông nghiệp thuần túy	230199	81.8	280440	78.1	369619	74.4	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp tổng hợp
Lâm nghiệp	9246	3.3	10169	2.8	15867	3.2	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp tổng hợp
Thủy sản	42138	15.0	68508	19.1	111514	22.4	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp tổng hợp

(Nguồn : Tính toán từ Niên giám Thống kê huyện Thăng Bình)

GTSX của ngành nông nghiệp tổng hợp giai đoạn 2000-2010 tăng trưởng liên tục với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 5,85% và chuyển dịch theo chiều hướng tốt. Về nông nghiệp thuần túy mỗi năm chỉ giảm 0,74%; Tỷ trọng lâm nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ và không thay đổi nhiều; Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành thủy sản là 10,22%.

Trong cơ cấu toàn ngành nông nghiệp, ngành thủy sản là ngành trọng điểm, có tốc độ phát triển lớn hơn tốc độ phát triển bình quân của ngành nông nghiệp tổng hợp vì có hệ số vượt $K_{TS} > 1$. **Từ đó, có thể kết luận rằng:** chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình

theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản, đầu tư phát triển quy mô chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

2.2.3. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thuần túy

**Bảng 2.4: Cơ cấu GTSX nông nghiệp thuần túy
giai đoạn 2000-2010**

Chỉ tiêu	2000		2005		2010	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nông nghiệp Thuần túy	230199	100	280440	100	369619	100
Trồng trọt	165276	71.8	198863	70.9	254506	68.9
Chăn nuôi	62853	27.3	78413	28.0	107917	29.2
Dịch vụ	2070	0.9	3164	1.1	7196	1.9

(Nguồn: Tính toán từ Phòng NN&PTNN Huyện Thăng Bình)

Cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi trong những năm qua đã có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Trồng trọt có xu hướng ngày càng giảm có tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 4,41%. Tuy tỷ trọng chăn nuôi còn thấp nhưng tính chất chăn nuôi đã có sự thay đổi chuyển dần từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, bình quân hằng năm tăng 5,55%. Ngành dịch vụ trong nông nghiệp thuần túy là hình thái mới ngày càng được quan tâm hơn với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 13,3%.

GTSX của nội bộ các ngành nông nghiệp thuần túy ngày càng tăng lên trong đó ngành chăn nuôi và dịch vụ trong nội bộ ngành có tốc độ phát triển lớn hơn tốc độ phát triển bình quân của ngành nông nghiệp thuần túy vì có $K_{CN} > 1$ và $K_{DV} > 1$, có thể kết luận rằng:

ngành nông nghiệp thuần túy huyện Thăng Bình chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng trồng trọt.

2.2.3.1. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội bộ ngành trồng trọt

Việc chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt huyện Thăng Bình còn chậm.

Về sản lượng: năm 2010, tỷ trọng sản lượng cây lương thực có hạt còn lớn chiếm 58,37%, trong khi đó tỷ trọng sản lượng một số cây chất bột lấy củ là 33,94%, tỷ trọng sản lượng cây công nghiệp hằng năm ngày càng giảm chiếm 7,38%, sản lượng cây công nghiệp lâu năm chiếm tỷ trọng rất nhỏ chỉ chiếm 0,32%, cây ăn quả và các cây trồng có giá trị kinh tế cao chưa được quan tâm đầu tư.

Về diện tích: diện tích gieo trồng cây lương thực chiếm tỷ trọng lớn nhất, có giảm nhưng ít đến năm 2010 là 14.740 ha, có tỷ trọng là 65,51%. Diện tích cây chất bột giảm cả về quy mô và tỷ trọng chiếm 17,91% (năm 2010). Trong khi đó tỷ trọng và diện tích gieo trồng cây công nghiệp hằng năm và lâu năm đều tăng, diện tích cây công nghiệp hằng năm là chiếm 14,52%, tỷ trọng diện tích cây công nghiệp lâu năm là 2.06%.

Về năng suất: Trong cơ cấu trồng cây lương thực thì lúa chiếm tỷ trọng lớn, tuy diện tích lúa giảm nhưng năng suất lúa tăng qua các năm với tốc độ tăng bình quân 3,65%/năm, nhưng tỷ trọng năng suất lúa hầu như không thay đổi nhiều. Cả năng suất và sản lượng ngô đều tăng là do diện tích gieo trồng ngô tăng qua các năm.

Năng suất cây chất bột lấy củ đạt hiệu quả cao, chủ yếu là cây khoai lang và cây sắn, năm 2010 chiếm 68,97% trong cơ cấu năng suất cây trồng.

2.2.3.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội bộ ngành chăn nuôi

Bảng 2.8: Cơ cấu số lượng gia súc, gia cầm giai đoạn 2000-2010

Chỉ tiêu	2000		2005		2010		Ghi chú
	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	
Tổng 1+2	437,308	100	443,452	100	989,260	100	
1. Gia súc	111,654	25.53	126,868	28.61	159,260	16.10	So với tổng số lượng gia súc và gia cầm
1.1. Trâu	4,934	4.42	6,481	5.11	12,720	7.99	So với tổng số lượng gia súc
1.2. Bò	38,148	34.17	28,531	22.49	26,540	16.66	So với tổng số lượng gia súc
1.3. Lợn	68,572	61.41	91,856	72.4	120,000	75.35	So với tổng số lượng gia súc
2. Gia cầm	325,654	74.47	316,584	71.39	830,000	83.90	So với tổng số lượng gia súc và gia cầm

(Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Phòng Thống kê Huyện Thăng Bình)

Về gia súc, năm 2010 số lượng chăn nuôi gia súc tiếp tục tăng lên nhưng tỷ trọng giảm chỉ còn chiếm 16,1% trong nội bộ ngành chăn nuôi. Trong khi đó, tỷ trọng gia cầm tăng lên chiếm 83,9%.

2.2.4. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp

**Bảng 2.10: Cơ cấu GTSX nội bộ ngành lâm nghiệp
giai đoạn 2000-2010**

Chỉ tiêu	2000		2005		2011	
	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
Tổng	9246	100	10169	100	15867	100
Khai thác	7317	79.14	7312	71.90	9569	60.31
Trồng rừng	1733	18.74	2430	23.90	5249	33.08
Dịch vụ Lâm nghiệp	196	2.12	427	4.20	1049	6.61

(Nguồn: Tính toán từ phòng NN&PTNN huyện Thăng Bình)

Cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp tăng lên về giá trị và chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng của trồng rừng ngày càng tăng trong nội bộ ngành nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ năm 2010 là 33,08%, trong khi đó tỷ lệ khai thác ngày càng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao 60,31% (năm 2010).

Trong cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp, ngành trồng rừng và dịch vụ lâm nghiệp là ngành trọng điểm, có tốc độ phát triển lớn hơn tốc độ phát triển bình quân của ngành lâm nghiệp vì có hệ số vượt $K_{TR} > 1$ và $K_{dv} > 1$. **Có thể kết luận rằng:** chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp huyện Thăng Bình theo hướng tăng dần tỷ trọng trồng rừng và dịch vụ lâm nghiệp, giảm tỷ trọng khai thác rừng.

2.2.5. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành thủy sản

**Bảng 2.12: Cơ cấu GTSX nội bộ ngành thủy sản
giai đoạn 2000-2010**

Chỉ tiêu	2000		2005		2010	
	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
Tổng	42138	100	68508	100	111514	100
Nuôi trồng	13566	32.19	22945	33.49	42500	38.11
Khai thác	24589	58.35	38363	56.00	53618	48.08
Dịch vụ	3983	9.45	7200	10.51	15396	13.81

(Nguồn: Tính toán từ Phòng NN&PTNN huyện Thăng Bình)

Trong cơ cấu ngành thủy sản, GTSX khai thác thủy sản ngày càng tăng với tốc độ tăng hằng năm 8,1%, tuy tỷ trọng khai thác thủy sản có giảm qua các năm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất năm 2010 chiếm 48,08%. Nuôi trồng thủy sản có xu hướng ngày càng tăng dần cả về mặt giá trị lẫn tỷ trọng, năm 2010 chiếm 38,11%, tốc độ tăng trưởng bình quân của nuôi trồng thủy sản là 12,09%. Ngành dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển mạnh, GTSX đạt tốc độ tăng trung bình khoảng 14,48%/năm và tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GTSX ngành thủy sản năm 2010 đạt 13,81%. Trong cơ cấu nội bộ ngành thủy sản, nuôi trồng và dịch vụ thủy sản là ngành trọng điểm cần được chú trọng phát triển, có tốc độ phát triển lớn hơn tốc độ phát triển bình quân của ngành thủy sản vì có hệ số vượt $K_{NT} > 1$ và $K_{DV} > 1$. **Từ đó, có thể kết luận rằng:** chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành thủy sản huyện Thăng Bình theo hướng tăng dần tỷ trọng nuôi trồng và dịch vụ thủy sản, giảm dần tỷ trọng khai thác thủy sản.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.3.1. Những thành tựu chủ yếu

- Ngành nông nghiệp đã có bước tăng trưởng khá 5,85%/ năm. Sản xuất trồng trọt đã bắt đầu phá bỏ thế độc canh cây lúa.

- Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, đã xuất hiện một số mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao, tỷ trọng chăn nuôi tăng dần trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, diện tích nuôi trồng thủy hải sản được mở rộng.

- Khoa học kỹ thuật ngày càng được áp dụng trong nông nghiệp.

- Công tác dồn điền đổi thửa mang lại hiệu quả nhất định.

- Bê tông hoá giao thông và kênh mương nội đồng được chú trọng.

- Hệ thống chính sách, cơ chế quản lý kinh tế trong khu vực nông nghiệp không ngừng được đổi mới.

2.3.2. Những tồn tại và hạn chế:

- Cơ cấu ngành nông nghiệp chưa có sự chuyển biến mạnh. Các ngành nông - lâm - ngư nghiệp chưa gắn bó với nhau trong một cơ cấu kinh tế thống nhất

- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn phân tán, nhỏ lẻ. Cơ cấu giống cây trồng và con vật nuôi còn nhiều điểm chưa hợp lý. Kinh tế vườn, kinh tế trang trại tuy được phát triển nhưng chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, qui mô vườn hộ còn nhỏ lẻ, manh mún. Công nghiệp chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản chưa phát triển. Tiềm năng mặt nước nuôi trồng ít, chưa được khai thác.

- Hệ thống tổ chức quản lý sản xuất còn nhiều khó khăn. Nguồn tài nguyên nông nghiệp chưa được quản lý và khai thác thác tốt.

- Thị trường thiếu ổn định.

2.3.3. Nguyên nhân:

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp còn rất thấp kém. Điều kiện khoa học kỹ thuật công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp vẫn còn ở mức thấp

- Bộ phận khuyến nông-khuyến lâm chưa nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật để chuyển giao cho người nông dân. Nguồn lao động hầu như chưa được đào tạo. Cán bộ khuyến nông viên ở cơ sở chưa đủ mạnh về số lượng và năng lực

- Tiềm năng kinh tế biển khai thác chưa lớn và chưa đồng bộ.

- Nguyên nhân quan trọng nhất là các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy của Nhà nước chưa tương xứng với vai trò và vị trí của nông nghiệp

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH ĐẾN NĂM 2015

3.1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH

3.1.1. Quan điểm chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình

3.1.2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình đến 2015

3.2. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH

3.2.1. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Thăng Bình

**Bảng 3.1 : Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp
giai đoạn 2010-2015**

Chỉ tiêu	2010	2015	Ghi chú
Cơ cấu nông nghiệp tổng hợp	39,9%	26%	So với tổng GTSX toàn ngành kinh tế
1. Nông nghiệp thuần túy	74,4%	68%	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp tổng hợp
1.1. Trồng trọt	68,9%	64%	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp thuần túy
1.2. Chăn nuôi	29,2%	32%	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp thuần túy
1.3. Dịch vụ	1,9%	4,0%	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp thuần túy
2. Lâm nghiệp	3,2%	5%	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp tổng hợp
2.1. Trồng rừng	33,08%	40%	So với tổng GTSX ngành lâm nghiệp
2.2. Khai thác	60,31%	51%	So với tổng GTSX ngành lâm nghiệp
3.3. Dịch vụ	6,61%	9%	So với tổng GTSX ngành lâm nghiệp
3. Thủy sản	22,4%	27%	So với tổng GTSX ngành nông nghiệp tổng hợp
3.1. Nuôi trồng	38,11%	41,5%	So với tổng GTSX ngành thủy sản
3.2. Khai thác	48,08%	43%	So với tổng GTSX ngành thủy sản
3.3. Dịch vụ	13,81%	15,5%	So với tổng GTSX ngành thủy sản

(Nguồn: Kế hoạch phát triển nông-lâm-thủy sản,
Phòng NN&PTNN huyện Thăng Bình)

3.2.2. Nội dung chuyển dịch các ngành

3.2.2.1. Ngành Nông nghiệp thuần túy

- *Đối với trồng trọt:* Quy hoạch diện tích sản xuất 2 vụ lúa ổn định; tập trung các xã vùng Trung là chính và tổ chức sản xuất giống tại chỗ ở mỗi xã để chủ động nguồn giống tốt; cơ cấu 30-50% diện tích đất lúa để sản xuất các giống lúa chất lượng cao. Quy hoạch sản xuất tập trung các loại cây trồng ngắn ngày làm hàng hóa, nguyên liệu chế biến có đầu ra ổn định như đậu phụng, ngô, sắn, mè... Các loại cây trồng dài ngày như đào lợn hột, cây tiêu và các cây ăn quả. Tập trung đầu tư thâm canh.

- *Đối với chăn nuôi:* Quy hoạch mỗi xã nhiều điểm hay mỗi thôn 1 điểm, diện tích khu chăn nuôi tập trung có quy mô ≥ 5 ha; ưu tiên phát triển gia trại, trang trại; áp dụng phương thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp.

3.2.2.2. Ngành Lâm nghiệp

Tập trung đầu tư rừng sản xuất ở vùng Tây, tranh thủ vốn đầu tư của dự án 5 triệu ha rừng của Chính phủ (dự án 661) đầu tư trồng rừng phòng hộ đầu nguồn ở 3 hồ chứa Cao Ngạn, Phước Hà và Đông Tiễn. Trồng lại dự án rừng PACSA không thành rừng, trồng mới rừng phòng hộ ven biển và diện tích ngập mặn ven sông Trường Giang.

3.2.2.3. Ngành Thủy sản

Phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, vươn khơi, vươn xa khai thác nguồn lợi thủy sản có hiệu quả cao.

Nuôi trồng thủy sản ở huyện đầu tư nuôi tôm và cá nước ngọt.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP HUYỆN THĂNG BÌNH

3.3.1. Giải pháp về thị trường

Nhà nước cần có sự can thiệp bằng những công cụ chính sách giữa hai chiều giao lưu hàng hóa, tổ chức hợp lý hệ thống thương mại, xúc tiến xây dựng chiến lược thị trường tiêu thụ nông sản. Trợ giúp những kiến thức và kỹ năng hoạt động thị trường. Từng bước chỉ đạo thực hiện theo tinh thần quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ về hợp đồng sản xuất tiêu thụ nông sản.

3.3.2. Giải pháp về khoa học – công nghệ - kỹ thuật

Xây dựng dự án nhập công nghệ và thiết bị hiện đại. Cần tiếp tục ưu tiên cho công tác chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi mới. Đẩy mạnh sản xuất và sử dụng phân bón vi sinh. Phát triển công nghệ chế biến nông - thủy sản trên cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại phù hợp. Nghiên cứu tổ chức hệ thống các cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học - công nghệ, đầu tư cao cho trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, coi trọng công tác phổ biến khoa học - công nghệ cho những người trực tiếp sản xuất.

3.3.3. Giải pháp về cơ chế và quản lý Nhà nước đối với nông nghiệp

3.3.3.1. Chính sách đầu tư và phát triển hạ tầng.

Để đáp ứng nhu cầu vốn cần tập trung vào các nguồn vốn sau: Nguồn vốn tập trung từ Ngân sách Nhà nước, thị trường vốn dài hạn, nguồn vốn trong nhân dân, nguồn vốn thông qua các hình thức liên doanh, liên kết giữa người sản xuất với các công ty, nguồn vốn từ các chương trình của Nhà nước, hợp tác quốc tế, hình thành quỹ hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. **Chính vì nguồn vốn đầu tư còn khó khăn nên để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nông**

nghiệp Thăng Bình cần chú trọng đầu tư: Cần ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng và thực hiện các dự án ưu tiên thuộc các chương trình kinh tế sản xuất nông – lâm – thủy sản hằng năm, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với các cơ sở bảo quản, chế biến tiêu thụ..

3.3.3.2. Chính sách đất đai:

Tạo điều kiện thuận lợi để nông dân thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quyền về sử dụng đất đai; khuyến khích nông dân thực hiện “đồn điền, đổi thửa”. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch.

3.3.3.3. Chính sách về tín dụng: Chính sách tín dụng đó là: vốn vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Vốn vay với mức lãi suất ưu đãi, thoải thuận, tăng mức cho vay và tạo thuận lợi về thủ tục cho vay đối với người sản xuất. Thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng các hình thức bán trả góp vật tư, máy móc thiết bị nông nghiệp cho nông dân; ứng vốn cho dân vay.

3.3.3.4. Chính sách khuyến nông

- Củng cố và phát triển năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến ngư. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, người dân tiếp thu kiến thức về kinh tế về nông nghiệp và làm chủ khoa học - công nghệ mới. Thực hiện tuyên truyền, vận động nông dân về việc xoá bỏ tập quán canh tác lạc hậu.

KẾT LUẬN

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong bối cảnh mở cửa và hội nhập kinh tế là chủ trương lớn đã được Đảng và Nhà nước ta đặt ra từ nhiều năm nay, là một vấn đề cần thiết có ý nghĩa quan trọng to lớn cả về lí luận và thực tiễn trong quá trình phát triển kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp là một động thái tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế nhằm tạo ra một cơ cấu kinh tế ngày càng hoàn thiện và hợp lí hơn trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực.

Trong thời gian qua, ngành nông nghiệp huyện Thăng Bình đã có những chuyển dịch theo hướng tích cực và đạt được khá nhiều thành tựu, ngành nông nghiệp thuần túy có tỷ trọng giảm dần trong cơ cấu kinh tế, ngành thủy sản có tỷ trọng ngày càng tăng góp phần chuyển dịch cơ cấu toàn ngành kinh tế huyện. Song cơ cấu nông nghiệp chưa có sự chuyển biến mạnh, còn chậm, chưa khai thác, phát huy tốt những tiềm năng, lợi thế để tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; ngành nông nghiệp huyện chỉ mới tập trung phát triển theo chiều rộng, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ theo chiều sâu. Ngành nông nghiệp thuần túy vẫn còn chiếm tỷ trọng cao và là ngành sản xuất chính tạo ra giá trị nông – lâm – thủy sản, diện tích đất nông nghiệp chủ yếu được sử dụng để trồng lúa nước, diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả và một số cây có giá trị kinh tế cao chưa được khai thác một cách có hiệu quả; chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu ngành nông nghiệp, các ngành nghề dịch vụ phát triển còn chậm.

Trong thời gian đến, huyện Thăng Bình phấn đấu cơ cấu kinh tế đến năm 2015 là công nghiệp chiếm 35%, thương mại – dịch vụ chiếm 39%, nông – lâm – thủy sản chiếm 26%. Trong đó, cơ cấu

ngành nông nghiệp có tỷ trọng ngành nông nghiệp thuần túy là 68%, lâm nghiệp 5% và thủy sản 27%.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, trách được những nguy cơ và thách thức trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo đà tăng trưởng và phát triển trong tương lai, huyện Thăng Bình cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp về thị trường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quá trình sản xuất đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển; thực hiện công tác quy hoạch; phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là những hạ tầng chiến lược, ...nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo quan điểm, định hướng và mục tiêu đề ra để cải thiện đời sống người dân, thúc đẩy phân công lại lao động, tạo công ăn việc làm cho lao động nhàn rỗi, giải quyết phần nào tệ nạn xã hội, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế huyện nhà.

KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam, các sở Nông nghiệp, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành các quy chế ưu đãi, khuyến khích cho việc chuyển đổi sản xuất của người dân.

- Đề nghị UBND huyện Thăng Bình cho xây dựng dự án các ngành sản xuất nông nghiệp với các sản phẩm mũi nhọn của huyện như: Quy hoạch vùng sản xuất rau sạch, an toàn và quy hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dự án đầu tư khu công nghệ nông nghiệp với mục tiêu đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng vật nuôi.